**Thực trạng và giải pháp đột phá tái cơ cấu ngành**

**công nghiệp Việt Nam trong thời gian tới**

***TS. Nguyễn Văn Hội – Viện trưởng***

***Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương***

Tái cơ cấu ngành công nghiệp là quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tái cơ cấu ngành công nghiệp tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững. Tái cơ cấu ngành công nghiệp để phấn đấu đến năm 2030 Việt Nam là nước có công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp cao.

1. **Đánh giá thực trạng tái cơ cấu ngành công nghiệp Việt Nam**
	1. ***Những kết quả đạt được***

Thực hiện chủ trương của Đảng và Quốc hội về tái cơ cấu nền kinh tế nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01/12/2014 phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2015-2022, quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp đã tập trung:

*Thứ nhất*, phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên hướng đến tập trung phát triển một số ngành công nghiệp: sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao; giá trị xuất khẩu lớn; tạo thị trường cho công nghiệp hỗ trợ phát triển; sử dụng công nghệ cao; tạo nhiều việc làm đòi hỏi trình độ cao; giảm dần các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động giản đơn.

*Thứ hai*, chú trọng đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm ở các ngành: cơ khí - luyện kim, hóa chất, cao su. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử, cơ khí. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển cơ khí trọng điểm. Khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư tập trung, quy mô lớn trong các ngành: thép, kim loại màu, khai thác khoáng sản, hóa chất.

*Thứ ba*, chú trọng đầu tư, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm ở các ngành: dệt may, da giày, nhựa, đồ uống, thuốc lá, giấy, dầu thực vật...; quy hoạch các khu cụm công nghiệp tập trung có xử lý nước thải đảm bảo môi trường và tập trung phát triển nguyên phụ liệu trong các ngành dệt may, da giày; tập trung và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển vùng nguyên liệu cho các ngành: sữa, thuốc lá, giấy.

Tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2015-2022 đã góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp:

* Công nghiệp là ngành đóng góp ngày càng lớn trong nền kinh tế của Việt Nam: trong giai đoạn 2015-2022, tính trung bình công nghiệp chiếm trên 30% mỗi năm trong GDP của Việt Nam; ngành công nghiệp là ngành đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.
* Sản xuất công nghiệp liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng bình quân 8,5% một năm. Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng liên tục: năm 2022, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 1.500 nghìn tỷ đồng.
* Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển biến tích cực: sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú hơn về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
* Cơ cấu các ngành công nghiệp đang đi vào thực chất hơn với xu hướng chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng đều qua các năm, lên 17% năm 2022. Ngược lại, tỷ trọng của ngành công nghiệp khai khoáng trong GDP giảm dần, xuống còn 5% năm 2022.
* Công nghiệp hỗ trợ từng bước phát triển phục vụ cho nhu cầu sản xuất, lắp ráp các sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá ở một số ngành. Hình thành và phát triển các địa bàn tập trung công nghiệp, hệ thống các khu, cụm công nghiệp.
* Công nghiệp trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước: tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ở mức cao, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chiếm trung bình 85% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.
* Cơ cấu sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã có sự dịch chuyển tích cực, tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.
* Nhiều mặt hàng công nghiệp như điện thoại và linh kiện; điện tử, máy tính và linh kiện; dệt, may; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng; giày dép; gỗ và các sản phẩm gỗ xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD, có vị trí xếp hạng xuất khẩu cao so với khu vực và thế giới.
	1. ***Một số tồn tại, hạn chế***

Mặc dù đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên trong giai đoạn 2015-2022, tái cơ cấu các ngành công nghiệp thực hiện còn chậm, chưa tạo ra những thay đổi đáng kể về cơ cấu ngành. Tái cơ cấu các ngành công nghiệp chủ yếu theo các mục tiêu ngắn hạn, thiếu tính ổn định và bền vững, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, phát triển công nghiệp còn có một số tồn tại, hạn chế:

* Tăng trưởng công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: công nghiệp chưa thực sự là nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tỷ trọng của công nghiệp trong GDP thay đổi không đạt được mục tiêu đề ra. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp có xu hướng tăng song vẫn ở mức thấp so với yêu cầu công nghiệp hóa.
* Trình độ công nghệ nhìn chung còn thấp, chậm được đổi mới. Phần lớn doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp trong nước, vẫn đang sử dụng công nghệ tụt hậu so với mức trung bình của thế giới. Trình độ cơ khí chế tạo, mặc dù là trụ cột của sản xuất công nghiệp, nhưng sử dụng công nghệ tụt hậu.
* Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm liên kết ngành còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, đang tự cạnh tranh lẫn nhau, chưa gắn kết chặt chẽ với nhau trong quá trình phát triển. Công nghiệp chưa thu hút mạnh mẽ lao động để tạo ra sự dịch chuyển cơ cấu lao động chung của nền kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa.
* Nội lực của ngành công nghiệp còn yếu, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chuyển giao công nghệ còn hạn chế, đặc biệt là những công nghệ mới, công nghệ sạch. Năng lực, hiệu quả của các doanh nghiệp công nghiệp trong nước ở mức thấp.
* Năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp còn thấp, bao gồm tính năng động sáng tạo, vươn mạnh ra thị trường, đương đầu với mọi thách thức và cố gắng liên tục của các doanh nghiệp công nghiệp trong nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế còn thấp.
* Khả năng tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu của các sản phẩm công nghiệp Việt Nam còn rất hạn chế: chủ yếu tham gia vào khâu gia công, lắp ráp. Phần lớn các mặt hàng công nghiệp của Việt Nam có hàm lượng công nghệ thấp, ngoại trừ hàng điện tử chủ yếu do khu vực FDI. Số lượng sản phẩm công nghiệp chủ lực Việt Nam có lợi thế so sánh đang có xu hướng giảm.
* Chất lượng năng suất lao động ngành công nghiệp còn thấp, chỉ có ngành khai khoáng có năng suất lao động cao nhất do đây là ngành có tính đặc thù, giá trị sản phẩm khai khoáng bao gồm cả giá trị tài nguyên thiên nhiên, tiếp đến là ngành sản xuất, phân phối điện, ga, nước nóng, khí đốt.
* Một số ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển không đạt mục tiêu đã đề ra, bao gồm dệt may, da giày, thép, điện tử; các ngành công nghiệp này chỉ thực sự tham gia được ở một vài khâu có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị, phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian, máy móc thiết bị sản xuất trong khi nguồn lực nhà nước hỗ trợ các ngành này thông qua ưu đãi về thuế là khá lớn. Nhiều ngành công nghiệp ưu tiên khác không đạt mục tiêu đã đề ra.
* Công nghiệp hỗ trợ chưa thực sự phát triển, mới đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu trong nước; các sản phẩm chủ yếu là linh kiện và chi tiết đơn giản, có giá trị thấp trong cơ cấu giá trị sản phẩm.
* Vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp chưa tương xứng, đa số tập trung vào các ngành có thời gian hoàn vốn ngắn như công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến thực phẩm… Vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao chưa nhiều.
* Phát triển công nghiệp chưa gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế khác, ảnh hưởng đến việc phát huy tối đa lợi thế của các ngành kinh tế. Cơ khí hóa trong nước yếu kém, năng lực sản xuất thấp, giá thành cao, chưa xứng với quy mô nông nghiệp.
1. **Một số giải pháp đột phá tái cơ cấu ngành công nghiệp Việt Nam trong thời gian tới**

Tái cơ cấu ngành công nghiệp Việt Nam trong thời gian tới thực hiện theo Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

* 1. ***Một số quan điểm tái cơ cấu ngành công nghiệp***

*Một là*, tái cơ cấu ngành công nghiệp để thực hiện phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và địa bàn để phát huy tối đa lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương trong chuỗi giá trị. Chủ động, đi trước một bước trong việc thử nghiệm và phát triển các mô hình tăng trưởng mới, khai thác có hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế.

*Hai là*, tái cơ cấu ngành công nghiệp trên cơ sở tăng cường tự chủ về sản xuất và thị trường để hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính độc lập, thích ứng và chống chịu cao trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài, bảo đảm tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy thế mạnh của thị trường trong nước là yếu tố quan trọng gắn với mở rộng, đa dạng hóa thị trường bên ngoài để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chủ động hơn trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Ba là*, tái cơ cấu ngành công nghiệp phải được thực hiện đồng bộ trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo đồng bộ với tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực trọng tâm khác của nền kinh tế.

*Bốn là*, tái cơ cấu ngành công nghiệp phải lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế và môi trường kinh doanh đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và cạnh tranh là động lực của tăng trưởng; đảm bảo thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số là đột phá; khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao là công cụ; khu vực kinh tế tư nhân là lực lượng quan trọng thực hiện tái cơ cấu tái cơ cấu ngành công nghiệp; gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu là mục tiêu mang tính lâu dài, chiến lược.

*Năm là*, tái cơ cấu ngành công nghiệp phải được thực hiện một cách có trọng tâm, triệt để, quyết liệt với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp uỷ, chính quyền trung ương và địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Củng cố nhận thức, tăng cường đồng thuận, kết hợp hiệu quả giữa điều phối, phối hợp với phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ, theo nguyên tắc bám sát thực tiễn, coi trọng thực chất. Có hệ thống theo dõi, giám sát thông qua các chỉ tiêu cụ thể đo lường kết quả tái cơ cấu và gắn liền với trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ đạt mục tiêu đề ra.

* 1. ***Một số giải pháp đột phá tái cơ cấu ngành công nghiệp***

*Thứ nhất*, kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và lợi thế thương mại để tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm công nghiệp.

Tập trung phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp trong nước thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp. Chú trọng nội địa hoá chuỗi cung ứng các ngành công nghiệp để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tăng cường tính tự chủ, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Xanh hóa các ngành công nghiệp, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên và năng lượng trong các ngành công nghiệp.

*Thứ hai*, chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

*Thứ ba*, phát triển các ngành công nghiệp nền tảng nhằm xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, hiện đại, đảm bảo năng lực tự chủ, đáp ứng cơ bản nhu cầu về tư liệu sản xuất của nền kinh tế và nâng cao vị thế của một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp toàn cầu. Trong đó:

* Tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành: công nghiệp cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, vật liệu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp.
* Hình thành và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tập trung thành các tổ hợp sản xuất hoàn chỉnh quy mô lớn, có tính chuyên môn hóa cao theo chuỗi giá trị trong các lĩnh vực như: luyện kim, hoá chất, cơ khí chế tạo… theo hướng công nghiệp sinh thái với việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
* Chuyển dịch cơ cấu và đa dạng hóa sản phẩm của ngành công nghiệp nền tảng, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu thị trường trong nước. Phát triển các sản phẩm thép hợp kim, thép chế tạo; các sản phẩm hóa dầu, hóa chất cơ bản, phân bón, cao su kỹ thuật, hóa dược, hóa chất tiêu dùng...

*Thứ tư*, phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo có lợi thế xuất khẩu, nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như dệt may, da giày, điện tử, thực phẩm… gắn với tăng cường cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất thông minh, tự động hóa.

* Mở rộng quy mô phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, vật liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính.
* Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm gắn với các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, tiến tới hình thành các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa, đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn xuất khẩu. Phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, chế biến nông sản.
* Tăng cường tiếp cận nguyên liệu đầu vào chất lượng cao hơn và nâng cao năng lực cho các dịch vụ hỗ trợ như tìm nguồn cung ứng, thiết kế, phát triển sản phẩm và tiếp thị mang lại cơ hội chuyển sang các phân khúc có giá trị gia tăng lớn hơn trong chuỗi giá trị đối với ngành dệt may, da giày.
* Tăng cường liên kết giữa các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp trong nước trong ngành công nghiệp điện tử nhằm thực hiện chuyển giao công nghệ và năng lực quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh; tập trung nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước về quản lý và kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng để kết nối tốt hơn với các doanh nghiệp FDI, từng bước tham gia vào quá trình thiết kế, R&D và sản xuất linh kiện của ngành.

*Thứ năm*, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá nhằm hình thành năng lực sản xuất mới gắn liền với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đi tắt, đón đầu trong phát triển một số ngành, sản phẩm, trong đó chú trọng phát triển sản phẩm công nghệ cao.

* Tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao và các ngành kinh tế sáng tạo, trong đó chú trọng phát triển sản phẩm công nghệ cao, trọng tâm “Make in Viet Nam”, sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam, tích hợp thành sản phẩm thương mại tại Việt Nam.
* Tăng cường làm chủ công nghệ cốt lõi, tạo dựng thương hiệu Việt Nam, sử dụng công nghệ Việt Nam và gắn kết hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phục vụ các ngành công nghiệp xuất khẩu lớn như: điện tử, ô tô, dệt may, da giày, cơ khí, công nghệ cao… và tăng cường khả năng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do (FTA).

* Tăng cường kết nối giữa các nhà cung cấp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam nhằm tăng cường khả năng tham gia mạng lưới sản xuất trong nước và toàn cầu của các doanh nghiệp nội địa.
* Xây dựng và vận hành hiệu quả các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là hỗ trợ đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI để trở thành nhà cung cấp trong nước.

*Thứ bảy*, phát triển đồng bộ, hiện đại phù hợp với tiềm năng khoáng sản có quy mô lớn gắn với mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và làm chủ chuỗi cung ứng ngành công nghiệp khai thác khoáng sản từ khâu thăm dò, khai thác, chế biến, tồn trữ, phân phối, xuất nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ phát triển ngành, đặc biệt các khoáng sản Việt Nam có tiềm năng như: bô-xít, titan, đất hiếm...

Hiện đại hóa hoạt động tìm kiếm, đánh giá tiềm năng khoáng sản; thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có hiệu quả, đảm bảo công tác an toàn, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, điều tra và phát triển bền vững. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn với việc cung cấp nguyên liệu cho các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo.

*Thứ tám*, phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu trên cơ sở tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ môi trường, đặc biệt là công nghệ xử lý và tái chế chất thải, công nghệ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước.

* Xây dựng và hoàn thiện các quy định, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật đối với các dự án đầu tư phát triển công nghiệp môi trường; thẩm định, đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị và công nghệ môi trường.
* Đẩy mạnh tự do hóa thương mại đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường theo lộ trình phù hợp; tăng cường hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật về phát triển công nghiệp môi trường qua các Hiệp định thương mại và các khung khổ hợp tác quốc tế.

*Thứ chín*, cơ cấu lại không gian phát triển công nghiệp của các vùng, địa phương đảm bảo tính chuyên môn hóa cao, phát huy tốt nhất các lợi thế của mỗi vùng, địa phương về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị, nguồn nhân lực. Tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tạo lập không gian phát triển mới đối với các ngành công nghiệp và tham gia có hiệu quả vào các chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu.

* Hình thành và nâng cấp hệ thống cụm liên kết các ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng động lực, cực tăng trưởng và các hành lang kinh tế, phù hợp với quy hoạch quốc gia, vùng, địa phương.
* Cơ cấu lại các khu kinh tế, khu công nghiệp theo hướng bền vững, sinh thái gắn với hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, các mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp có tính đến lợi thế so sánh của từng địa bàn, vùng theo hướng tăng cường hỗ trợ và kết nối các chuỗi cung ứng trong nước nhằm thúc đẩy sự hội nhập của Việt Nam vào các chuỗi giá trị toàn cầu hiệu quả hơn.

*Thứ mười*, hình thành và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp công nghiệp nội địa, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn trong các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, đóng vai trò dẫn dắt phát triển ngành. Nâng cao năng khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp lớn, đa quốc gia.

Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương. Tăng cường các hoạt động khuyến công, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; thúc đẩy các hoạt động tư vấn phát triển công nghiệp nông thôn; phát huy vai trò và nâng cao năng lực thực hiện của tổ chức khuyến công từ trung ương đến địa phương; nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là một số đánh giá thực trạng và giải pháp đột phá tái cơ cấu ngành công nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

Xin kính chúc các đồng chí Lãnh đạo cùng toàn thể quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!